

Số: 142/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 2, ngày 11 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Mai Hoàng M, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Số 754, đường A, Phường B, quận C, Thành phố H;

- Bị đơn: Ông Trần Minh U, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Số 13A, đường D, phường F, Quận C, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 03 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 03 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Hoàng M với ông Trần Minh U.

Quan hệ hôn nhân của bà M với ông U theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76, Quyền số 01/2014, ngày 03/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường F, Quận C, Thành phố H chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Bà M với ông U có 01 con chung là Trần Minh N, sinh ngày 25/12/2014. Các bên thỏa thuận giao con chung cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ của bà M, ông U về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung: Bà M, ông U xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng, bà M tự nguyện chịu toàn bộ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0027357 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 21 tháng 02 năm 2020. Hoàn trả cho bà M số tiền tạm ứng án phí là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- TAND TPHCM;
- Ủy ban nhân dân phường F, Quận C, Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Hiếu